

THÀNH PHẦN LOÀI VÀ HIỆN TRẠNG BẢO TỒN CHI ĐỒ QUYÊN (*Rhododendron* L.) Ở LÂM ĐỒNG

Nông Văn Duy¹, Trần Thái Vinh¹, Vũ Kim Công¹, Quách Văn Hợi¹,
Đặng Thị Thắm¹, Nguyễn Thị Huyền¹, Trần Văn Tiến² và Ngô Sỹ Long²

¹*Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

²*Khoa sinh học, Trường Đại học Đà Lạt*

TÓM TẮT

Từ khóa: Chi Đồ quyên,
thành phần loài, phân bố,
hiện trạng bảo tồn, tỉnh
Lâm Đồng

Thành phần loài Đồ quyên ở Lâm Đồng được nghiên cứu dựa trên mẫu vật thu được thông qua các chuyến điều tra khảo sát và dựa trên các tiêu bản lưu giữ ở các Bảo tàng thực vật trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Kết quả điều tra có 5 loài được ghi nhận ở Lâm Đồng. Hầu hết các loài Đồ quyên phân bố rải rác ở các vùng núi cao, có độ cao từ 1.500 - 2.400m. Qua đánh giá hiện trạng, hầu hết các loài đang ở mức Nguy cấp (EN) và Sắp nguy cấp (VU). Nguyên nhân là do khai thác quá mức và điều kiện môi trường sống bị thay đổi, do đó cần có nhiều giải pháp cần thiết để bảo tồn và phát triển các loài có giá trị về thẩm mỹ này.

A synopsis and consevation status of the genus *Rhododendron* L. in Lam Dong province

Key words: *Rhododendron*,
a synopsis, distribution,
conservation status,
Lam Dong province.

A synopsis of the genus *Rhododendron* in Lam Dong province was made by mean of a literature search, consultation of the herbaria specimens, and a survey of several localities through Lam Dong province and Western Plateau of Vietnam. Five species encountered were scatter - distributed in high mountain, at the altitude between 1,500 - 2,400m a.s.l. They were assessed at the national level as Endangered (EN) and Vulnerable (VU) due to over - exploitation and fragmented habitat. Therefore, it needs urgent *in situ* and *ex situ* protection.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chi Đỗ quyên (*Rhododendron* L.) thuộc họ Đỗ quyên (Ericaceae Juss.), trên thế giới có khoảng 1000 loài (Fang & Stevens, 2005). Đây là chi có phân bố rất rộng, xuất hiện ở hầu khắp Bắc bán cầu ngoại trừ các vùng khô hạn, và trải dài xuống Nam bán cầu ở Đông Nam Á và vùng Bắc Australasia. Độ đa dạng loài cao nhất được tìm thấy ở vùng núi Himalaya từ Uttarakhand (Nepal) và Sikkim (Ấn Độ) tới Vân Nam và Tứ Xuyên (Trung Quốc), ở các vùng núi khác cũng có độ đa dạng cao như ở Đông Dương, Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan. Ngoài ra, còn có nhiều loài Đỗ quyên nhiệt đới gốc Đông Nam Á và Bắc Úc. Người ta đã ghi nhận 55 loài ở Borneo và 164 loài ở New Guinea. Tương đối ít loài hơn tại Bắc Mỹ và châu Âu (Argent, 2006).

Ở Việt Nam, Phạm Hoàng Hộ (1999) đã mô tả 30 loài và 7 thứ. Nguyễn Tiến Bản (2003) ghi nhận có 28 loài và 6 thứ. Nguyễn Tiến Hiệp và Phạm Hoàng Hộ (2003), ghi nhận có 25 loài và 6 thứ. Nguyễn Thị Thanh Hương (2012), đã bổ sung thêm loài *Rhododendron kendrickii* Nutt. và *Rhododendron meridionale* P.C. Tam cho hệ thực vật Việt Nam. Cho đến nay, chi Đỗ quyên hiện biết có 44 loài (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2012). Chúng phân bố chủ yếu ở các vùng núi Sa Pa (Lào Cai), Bạch Mã (Thừa Thiên Huế), Bà Nà (Đà Nẵng), Tam Đảo (Vĩnh Phúc). Lâm Đồng cũng là nơi có một số loài Đỗ quyên mọc tự nhiên.

Các loài thuộc chi Đỗ quyên đều cho hoa đẹp, có màu sắc rực rỡ, do đó nhiều loài Đỗ quyên được khai thác triệt để trồng làm cảnh và thương mại hóa. Trong đó nhiều loài có nguy cơ suy giảm số lượng cá thể cũng như quần thể. Việc điều tra thống kê về thành phần loài,

sinh thái, phân bố và hiện trạng làm cơ sở bảo tồn và phát triển nguồn gen Đỗ quyên tại Lâm Đồng là hết sức cần thiết.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Mẫu hoa, lá của các loài Đỗ quyên phân bố trong tự nhiên ở Lâm Đồng nói riêng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung được thu qua các đợt điều tra thực địa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Định loại bằng phương pháp truyền thống trong nghiên cứu phân loại thực vật đó là so sánh hình thái, kết hợp với các tài liệu nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước (Phạm Hoàng Hộ, 1999; Fang, Stevens, 2005)... và các mẫu tiêu bản gốc lưu giữ ở các Bảo tàng thực vật ở trong và ngoài nước như: Phòng tiêu bản Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Phòng tiêu bản, Viện Sinh học Nhiệt đới tp. Hồ Chí Minh (VNM); Phòng Tiêu bản Vườn thực vật Hoa Nam Quảng Châu (IBSC) và Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN), Bảo tàng quốc gia Pháp ở Paris (P).

Đánh hiện trạng của loài theo IUCN, phiên bản 8.0 năm 2010.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài

Qua kết quả điều tra khảo sát, có 5 loài thuộc chi Đỗ quyên (*Rhododendron* L.) phân bố ở Lâm Đồng (bảng 1). Các loài này thường mọc rải rác trong rừng kín thường xanh, ở độ cao 1500 - 2000m so với mực nước biển. Các loài có hoa to đẹp, màu sắc sặc sỡ có giá trị trồng làm cảnh nên được khai thác để thương mại hóa.

Bảng 1. Danh sách các loài phân bố ở Lâm Đồng - Tây Nguyên

| STT | Tên khoa học | Tên Việt Nam | Dạng sống và phân bố |
|-----|--|--------------------|---|
| 1 | <i>Rhododendron chevalieri</i> Dop. ex A. Chev. | Đỗ quyên Chevalier | Phụ sinh, phân bố ở Bidoup, Hòn Giao |
| 2 | <i>Rhododendron fleuryi</i> Dop. ex A. Chev. | Đỗ quyên hoa trắng | Thân gỗ, phân bố ở Lang Bian, Bidoup |
| 3 | <i>Rhododendron irroratum</i> Franch. <i>subsp kontumense</i> (Sleumer) D.F.Chamb. | Đỗ quyên Langbian | Thân gỗ, phân bố ở Lang Bian, Bidoup |
| 4 | <i>Rhododendron moulmainense</i> Hook. f. | Đỗ quyên lá nhọn | Thân gỗ, phân bố ở Hòn Nga, Bidoup, Núi Voi |
| 5 | <i>Rhododendron triumphans</i> Yers. & Chev. | Đỗ quyên rặng rỡ | Phụ sinh, phân bố ở Bidoup |

3.2. Khóa định loại các loài thuộc chi *Rhododendron* L.

1a. Cành non có vảy hình khiên, lá có vảy hay có lông.

2a. Mặt dưới lá có các đốm nâu và nhiều lông nâu, tràng hoa cao 8 - 10cm, màu đỏ gạch **1. *R. triumphans***

2b. Mặt dưới lá có lông tuyến hay vảy nhỏ, hoa cao dưới 6cm, màu vàng hay trắng có sọc vàng.

3a. Tràng hoa cao 2,5 - 3,5cm, màu vàng nhạt **2. *R. chevalier***

3b. Tràng hoa cao 4 - 5cm, màu trắng có sọc vàng nhạt..... **3. *R. fleuryi***

1b. Cành non có lông, không có vảy hình khiên, lá không có lông.

4a. Tràng hoa cao 3cm, màu đỏ tím, cụm hoa ở chót nhánh có 7 - 15 hoa..... **4. *R. irroratum subsp. kontumense***

4b. Tràng hoa cao 3 - 5cm, màu trắng hồng có điểm vàng nhạt, cụm hoa ở chót nhánh có 2 - 3 hoa..... **5. *R. moulmainense***

3.3. Đặc điểm và hiện trạng bảo tồn của các loài

Đặc điểm của chi thường là cây bụi hay cây gỗ nhỏ, sống ở đất, hay sống phụ sinh. Lá đơn mọc cách hay xếp theo hình xoắn ốc. Hoa nở thành chùm lớn hay hoa đơn độc, tràng hợp dạng hình chuông, nhị gấp đôi số tràng và xếp thành 2 vòng, bầu thượng.

3.3.1. *Rhododendron chevalieri* Dop ex A. Chev. - Đỗ quyên chevalier (hình 1)

Dop in A. Chev. 1929. Rev. Bot. Appl. 9:256; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 772; N. T. Hiep, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 442.

Cây bụi phụ sinh, cao 1 - 2m; cành mảnh, màu xám tro, có vảy hình khiên. Lá mọc thành vòng 4 - 7 lá; phiến lá hình trứng ngược, dày, dài 4 - 5cm; mặt trên bóng, có ít lông màu vàng; mặt dưới có lông tuyến. Cụm hoa mọc ở đầu cành, 3 - 5 hoa. Đài hình đĩa, thùy dài 3 - 4mm. Tràng dài 2,5 - 3,5cm, màu vàng nhạt, không lông. Nhị 10, chỉ nhị có lông ở gốc; bao phấn 4 ô. Quả nang có nắp mảnh và vặn xoắn khi mở; hạt có phần phụ dạng đuôi ở cả 2 đầu.

Mẫu nghiên cứu: Vietnam, Prov. de Nha Trang, massif de Hon Ba; Chevalier 38709 (holo. P!).

Phân bố và sinh thái: Ở Tây Nguyên loài có phân bố ở Kon Tum (Đắk Glêi: Ngọc Linh); còn ở Lâm Đồng loài có phân bố ở Bidoup, Hòn Giao thuộc huyện Lạc Dương. Mọc phụ sinh hỗn giao trong rừng kín thường xanh, ở độ cao khoảng 1500 - 2000m so với mực nước biển. Loài thường sống phụ sinh với các loài có kích thước lớn như: Pơ mu (*Fokienia hodginsii*), Kha thụ (*Castanopsis* sp.), Côm (*Elaeocarpus* sp.),....

Mùa hoa quả: Ra hoa tháng 8 - 9.

Giá trị sử dụng: Loài có hoa màu vàng trắng, đẹp dùng trồng làm cảnh ở vườn nhà cũng như ở công viên.

Hiện trạng và bảo tồn: Kết quả điều tra khảo sát cho thấy loài đang bị đe dọa nghiêm trọng do có hoa đẹp nên bị khai thác quá mức để thương mại hóa, ngoài ra khả năng tái sinh của loài cũng rất thấp. Theo tiêu chuẩn đánh giá của IUCN (2010): a- quần thể của loài đã suy giảm nhanh, hơn 50% trong thời gian gần đây (10 năm); b- quần thể phân bố của loài < 100km² và hiện nay tiếp tục suy giảm số lượng cá thể trong quần thể; c- quần thể nhỏ và đang tiếp tục bị suy giảm; d- quần thể có số lượng cá thể trưởng thành rất nhỏ. Trên cơ sở đó, loài Đỗ quyên chevalier ở Lâm Đồng được xếp vào mức độ Sắp nguy cấp VU.A2a; B2b; C2b(iii, iv); D2b(iii, iv). Do đó cần phải nghiêm cấm khai thác và có biện pháp xúc tiến tái sinh, nhân giống gây trồng bảo tồn và phát triển.

3.3.2. *Rhododendron fleuryi* Dop ex A. Chev. - Đỗ quyên hoa trắng (hình 2)

Dop in A. Chev. 1929. Rev. Bot. Appl. 9: 255; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 770; N. T. Hiệp, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 443.

Cây gỗ nhỏ, cao 1 - 3m; cành non có lông vẩy hình khiên, cành già màu tía. Lá hình bầu dục nhọn, 5 - 8 × 2 - 4cm; gốc tù, chóp nhọn ở đầu; mặt dưới có vẩy nhỏ, mặt trên không lông; mép cuộn lại; gân bên 4 - 7 đôi; cuống lá có rãnh mặt dưới dài 1cm, có lông dài 1 - 2mm, dễ rụng. Cụm hoa hình tán, ở đầu cành; 3 - 5 hoa, gần như không cuống. Đài nhỏ, mặt dưới có vẩy, hình tam giác, rộng 5mm. Tràng hình ống, cong ra ngoài, cỡ 4,5 - 5cm, mặt dưới có vẩy, màu trắng có sọc vàng bên trong. Nhị 10, hơi thò ra khỏi tràng; chỉ nhị mảnh, có nhiều lông ở gốc; bao phấn 4 ô. Bầu hình trứng, 5 ô, có lông; vòi nhụy dài; giá noãn hợp ở trục. Quả nang hóa gỗ, mở vách, hình trụ, cỡ 1,5 × 0,7cm, có vẩy. Hạt nhiều, nhỏ, có cánh.

Mẫu nghiên cứu: Annam: massif du Lang Bian: grand piton du Lang - Bian, près du village de Beneur; A. Chevalier 30896 (Type: P).

Phân bố và sinh thái: Ở Tây Nguyên loài có phân bố ở Kon Tum (Đắk Glêi: Ngọc Linh); ở Lâm Đồng loài có phân bố ở Lang Bian, Bidoup thuộc huyện Lạc Dương. Mọc rải rác trong rừng kín thường xanh, ở độ cao 2000 - 2400m so với mực nước biển.

Mùa hoa quả: Ra hoa quả tháng 2 - 5.

Giá trị sử dụng: Loài có hoa màu trắng, to, đẹp, trồng làm cảnh ở vườn nhà, công viên và đường phố.

Hiện trạng và bảo tồn: Qua điều tra khảo sát thấy loài đang bị đe dọa nghiêm trọng do có hoa trắng đẹp nên bị khai thác quá mức để thương mại hóa và khả năng tái sinh của loài cũng rất thấp. Theo tiêu chuẩn đánh giá của IUCN (2010): a- quần thể của loài đã suy giảm nhanh, hơn 70% trong thời gian gần đây (10 năm); b- quần thể phân bố của loài < 100km² và hiện nay tiếp tục suy giảm số lượng cá thể trong quần thể; c- quần thể nhỏ và đang tiếp tục bị suy giảm; d- quần thể có số lượng cá thể trưởng thành rất nhỏ. Trên cơ sở đó, loài Đỗ quyên hoa trắng ở Lâm Đồng được xếp vào mức độ Nguy cấp EN.A2a; B2b; C2b(ii, iii); D2b(ii, iii). Do đó cần phải nghiêm cấm khai thác và cần có biện pháp xúc tiến tái sinh, nhân giống gây trồng để bảo tồn và phát triển.

3.3.3. *Rhododendron irroratum* Franch. subsp. *kontumense* (Sleumer) D.F.Chamb. Đỗ quyên Langbian (hình 3)

D.F.Chamb. 1978, Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 36(1): 117; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 775; N.T. Hiệp, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 443.

- *Rhododendron kontumense* Sleum. 1958, Blumea Suppl. 4: 54 - 55.

- *Rhododendron langbianense* A. Chev. ex Dop in Lecomte, 1930. Fl. Gen. Indoch. 3: 745; Phamh. 1972. Illustr. Fl. Vietn. 2: 29; L. K. Bien, 1984, Fl. Taynguyen. Eum. 84.

Cây bụi hay cây gỗ cao 3 - 7m; chồi non có lông. Lá hình mác ngược hay hình bầu dục hẹp, 7 - 14 × 2 - 4cm; gốc tròn hay hình nêm rộng; chóp có mũi nhọn; mép nguyên hay lượn sóng; hai mặt không lông khi trưởng thành; gân giữa rõ và nổi ở mặt dưới; lõm sâu ở mặt trên; gân bên 17 - 20 đôi; cuống dài 1 - 2cm, không lông. Cụm hoa mọc ở đầu cành, 7 - 15 hoa; nhánh dài 2 - 4cm, có lông tuyến màu nâu đỏ. Cuống hoa mập, dài 1 - 2cm, có lông tuyến dày, đôi khi có lông tơ. Thùy dài 5, dài 2mm, hình tròn hay hình tam giác rộng, mép có tuyến. Tràng hình ống, dài 3 - 4cm màu đỏ tím, có đốm màu xanh hay tía, có 5 tuyến mật ở góc; thùy tràng 5, hình mắt chim, 2 - 2,5 × 3cm, có khía. Nhị 10, dài 2 - 3,5cm; chỉ nhị tròn, thẳng, có lông ở gốc; bao phấn 4 ô. Bầu hình nón, dài 5 - 6mm, 8 - 10 ô, có lông tuyến dày đặc; vòi nhụy đôi khi có tuyến ở đỉnh; núm nhụy nhỏ. Quả nang mở vách, hình trụ thuôn, 1,5 - 2 × 0,6 - 1cm.

Mẫu nghiên cứu: Vietnam, Prov. De Kontum, sommet de Ngoc Pang. Poilane 32176 (holo. P!).

Phân bố và sinh thái: Ở Tây Nguyên loài phân bố ở Kon Tum (Đắk Glêi: Ngọc Linh); ở Lâm Đồng loài có phân bố ở đỉnh Lang Bian, Bidoup (Lạc Dương). Mọc rải rác trong rừng lùn, lá rộng thường xanh, ở độ cao 1900 - 2200m so với mực nước biển.

Mùa hoa quả: Ra hoa tháng 1 - 4.

Giá trị sử dụng: Loài thân gỗ, có hoa màu tím, to, đẹp nên trồng làm cảnh trong vườn nhà, công viên và đường phố.

Hiện trạng và bảo tồn: Điều tra khảo sát cho thấy loài đang bị đe dọa nghiêm trọng vì đây là loài thường phân bố ở trên đỉnh ở các núi cao (1900 - 2200m), có nhiều sương mù, nên khi môi trường sống của loài bị thay đổi dẫn đến khả năng sống sót của loài càng thấp; ngoài ra số lượng cá thể rất ít, khả năng tái sinh thấp. Theo tiêu chuẩn đánh giá của IUCN (2010): a- quần thể của loài đã suy giảm

nhanh, hơn 70% trong thời gian gần đây (10 năm); b- quần thể phân bố của loài < 100km² và hiện nay tiếp tục suy giảm số lượng cá thể trong quần thể; c- quần thể nhỏ và đang tiếp tục bị suy giảm; d- quần thể có số lượng cá thể trưởng thành rất nhỏ. Trên cơ sở đó, loài Đỗ quyên Lang Bian ở Lâm Đồng được xếp vào mức độ Nguy cấp EN.A2a; B2b; C2b(I, ii); D2b(i, ii). Do đó cần phải có biện pháp bảo tồn như: xúc tiến tái sinh tự nhiên, nhân giống và gây trồng để phát triển.

3.3.4. *Rhododendron moulmainsense* Hook. f. - Đỗ quyên lá nhọn (hình 4)

Hook. f. 1856. Bot. Mag. 82:, pl. 4904; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 777; N. T. Hiep, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 444; M.Y. Fang & al. 2005. Fl. China, 14: 427.

- *Rhododendron oxyphyllum* Franch. 1898. Journ. Bot. (Morot) 12(15 - 16): 264; Dop in Lecomte, 1930. Fl. Gen. Indoch. 3: 734.

- *Rhododendron klossii* Ridl. 1909. Journ. Fed. Malay States Mus. 4: 43; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 777; N. T. Hiep, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 443.

- *Rhododendron laoticum* Dop, 1930. Fl. Indo - Chine [P.H. Lecomte *et al.*] 3: 735.

Cây bụi, sống địa sinh hay phụ sinh, cao 3 - 7m; vỏ màu nâu xám. Lá hình mác thuôn hay bầu dục - mác, 5 - 12 × 2,5 - 5cm; gốc hình nêm hay nêm rộng; chóp nhọn; mép cuộn; hai mặt không lông; cuống lá mập, dài 1 - 1,5cm, không lông. Cụm hoa mọc ở gần đầu cành; cụm hoa trên cùng nằm trên trục của lá trên cùng; 2 - 3 hoa. Cuống hoa dài 1 - 2cm, không lông. Đài 5, hơi lượn sóng, nhỏ, không lông. Tràng hình phễu hẹp, dài 4,3 - 5,5cm, màu trắng hồng có điểm vàng; ống tràng 15 - 20 × 3 - 4mm; tràng xẻ sâu, tỏa rộng, đỉnh nguyên. Nhị 10, dài 3,5 - 4cm, hơi ngắn hơn cánh tràng; chỉ nhị dẹt, có lông màu trắng bạc ở nửa dưới; bao phấn 4 ô. Bầu hình trụ dài, thon

dần thành vôi, dài 5 - 10mm, màu nâu đậm, không lông; vôi nhụy dài khoảng 5cm, thường ngắn hơn cánh tràng, dài hơn nhị, không lông. Quả nang mở vách, hình trụ, 35 - 60 × 4 - 6mm, đỉnh nhọn; vôi nhụy tồn tại. Hạt có phần phụ ngắn ở 2 đầu.

Mẫu nghiên cứu: Laos, env. de Napé.: sleumer, H. 1957 (holo. P!).

Phân bố và sinh thái: Ở Tây Nguyên loài có phân bố ở Kon Tum (Đắk Glêi: Ngọc Linh); ở Lâm Đồng loài phân bố ở Bidoup (huyện Lạc Dương); Hòn Nga (huyện Lâm Hà). Mọc rải rác trong rừng lá rộng thường xanh, ở độ cao 1500 - 2000m so với mực nước biển.

Mùa hoa quả: Ra hoa tháng 3 - 4.

Giá trị sử dụng: Loài thân gỗ, có hoa màu trắng điểm vàng phía trong, to, đẹp nên cần phát triển trồng trong vườn nhà, công viên cũng như ở đường phố.

Hiện trạng và bảo tồn: Kết quả điều tra khảo sát cho thấy loài đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi loài phân bố rải rác, khả năng tái sinh của loài cũng rất thấp, rất khó tìm thấy các cây con cũng như cây nhờ trong vùng phân bố. Theo tiêu chuẩn đánh giá của IUCN (2010): a - quần thể của loài đã suy giảm nhanh, hơn 50% trong thời gian gần đây (10 năm); b - quần thể phân bố của loài < 100km² và hiện nay tiếp tục suy giảm số lượng cá thể trong quần thể; c - quần thể nhỏ và đang tiếp tục bị suy giảm; d - quần thể có số lượng cá thể trưởng thành rất ít. Trên cơ sở đó, loài Đỗ quyên lá nhọn ở Lâm Đồng được xếp vào mức độ Sắp nguy cấp VU.A2a; B2b; C2b(iii, iv); D2b(iii, iv). Do đó cần phải biện pháp bảo tồn để phát triển trong tương lai.

3.3.5. *Rhododendron triumphans* Yersin & A. Chev. - **Đỗ quyên rụng rở (hình 5)**

Yersin & A. Chev. 1929. Rev. Bot. Appl. Agric. Colon. 9. 256; Phamh. 1991. Illustr. Fl.

Vietn. 1: 772; N. T. Hiep, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 445.

Cây bụi phụ sinh, cao khoảng 2m; thân mảnh, đường kính 1,5cm, có vảy hình khiên; rễ phình, hình thoi, vỏ màu xám tro; chồi non có vảy màu xanh nhạt. Lá tập trung ở đầu cành, phiến lá hình bầu dục - thuôn, 15 - 20 × 6 - 8cm; chóp có mũi nhọn; mặt trên xanh đậm, bóng; mặt dưới có đốm nâu và phủ lông nâu; gân bên 10 - 14 đôi. Cụm hoa hình ngù, mọc ở đầu cành, 7 - 12 hoa. Cuống hoa hình trụ, màu hồng nhạt. Đài nhỏ có thùy rõ. Tràng hình phễu rộng, không lông, dài 8 - 10cm, mặt ngoài màu đỏ gạch, mặt trong điểm hồng. Nhị 10, dài đến giữa tràng; chỉ nhị không lông, dài 4 - 4,5cm, màu đỏ son; bao phấn hình thuôn; 4 ô. Bầu hình trụ; giá noãn rời ở trục chính của noãn. Quả nang hình trụ, dài 6cm, màu nâu, có nắp mảnh và vặn xoắn khi mở. Hạt có phần phụ dạng đuôi ở cả 2 đầu.

Mẫu nghiên cứu: Vietnam: Prov. De Khanh Hoa (Nha Trang), massif de Hon Ba. Chevalier no 38601 (holo. P!).

Phân bố và sinh thái: Lâm Đồng (Lạc Dương: Langbian, Bidoup - Núi Bà). Mọc phụ sinh, rải rác trong rừng lá rộng, kín thường xanh, ở độ cao khoảng 1500 - 2000m so với mực nước biển.

Mùa hoa quả: Ra hoa tháng 8 - 9.

Giá trị sử dụng: Loài có hoa nở thành chùm màu cam, to, đẹp, dùng trồng làm cảnh ở vườn nhà cũng như ở công viên.

Hiện trạng và bảo tồn: Loài đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi loài có hoa màu cam đẹp nên bị khai thác quá mức để thương mại hóa và khả năng tái sinh của loài cũng rất thấp, khó tìm thấy cây con phụ sinh trong rừng tự nhiên. Theo tiêu chuẩn đánh giá của IUCN (2010): a- quần thể của loài đã suy giảm nhanh, hơn 70% trong thời gian gần đây (10 năm); b- quần thể phân bố của loài < 100km² và hiện nay tiếp tục suy giảm số lượng cá thể

trong quần thể; c- quần thể nhỏ và đang tiếp tục bị suy giảm; d- quần thể có số lượng cá thể trưởng thành rất nhỏ. Trên cơ sở đó, loài Đỗ quyên rạng rỡ ở Lâm Đồng được xếp vào mức độ Nguy cấp EN.A2a,b; B1a; C2b(i, ii); D2a(i, ii). Do đó cần phải nghiêm cấm khai thác trong tự nhiên, xúc tiến tái sinh tự nhiên, nhân giống và gây trồng để bảo tồn cũng như phát triển.

IV. KẾT LUẬN

Qua kết quả điều tra khảo sát, hiện nay ở khu vực Lâm Đồng bước đầu ghi nhận được 5 loài Đỗ quyên: Đỗ quyên chevalier (*Rhododendron chevalieri*); Đỗ quyên hoa trắng (*Rhododendron fleuryi*); Đỗ quyên Langbian (*Rhododendron irroratum* subsp. *kontumense*); Đỗ quyên lá nhọn (*Rhododendron moulmainsense*) và Đỗ quyên rạng rỡ (*Rhododendron triumphans*).

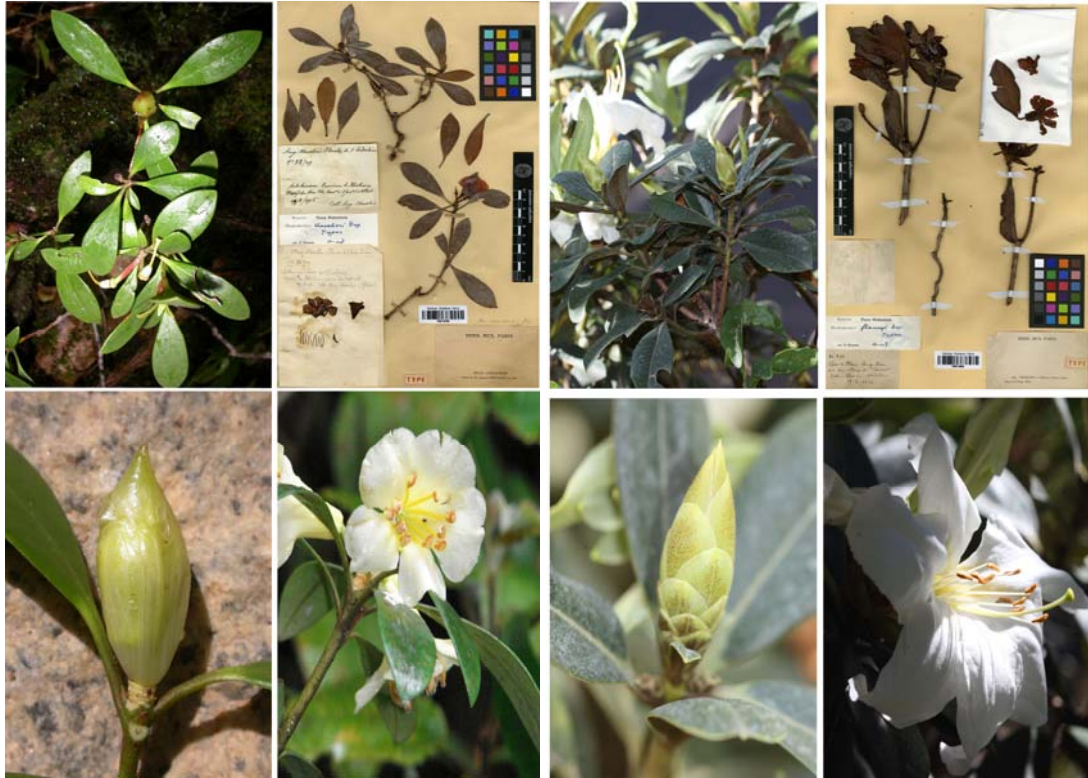
Hầu hết các loài đều được trồng làm cảnh vì hoa có nhiều màu sắc sặc sỡ, nở thành chùm to đẹp.

Tất các loài được ghi nhận ở Lâm Đồng đều phân bố ở kiểu rừng kín thường xanh từ độ cao 1500 - 2400m so với mực nước biển. Các loài đều trong trạng thái bị đe dọa, do đó có cần có các biện pháp bảo tồn (tại chỗ cũng như chuyển chỗ).

Lời cảm ơn: Các tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên đã hỗ trợ kinh phí sưu tập các loài Đỗ quyên ở Lâm Đồng. Ngoài ra, các tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn đến các Ban quản lý rừng: Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà, Ban quản lý Hồ Tuyên Lâm đã tạo điều kiện thuận lợi trong suốt thời gian điều tra, nghiên cứu.

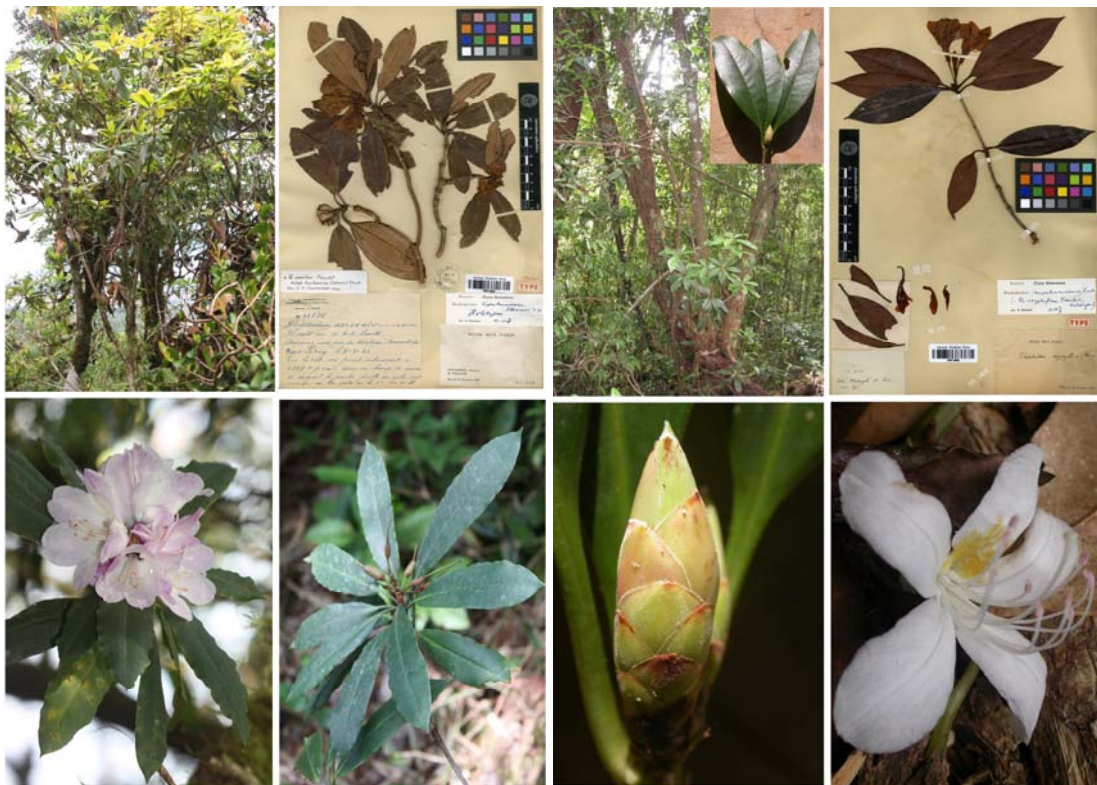
TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Argent G, 2006. Rhododendrons of subgenus Vireya. Royal Horticultural Society.
2. Fang R.C. & Stevens P.F, 2005. Ericaceae. In Wu Y.Z., Raven P.H., Hong D.Y. (eds.). Flora of China 14: 260 - 455. Science Press, Beijing; Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.
3. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên), 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, 2: 437 - 449. Hà Nội.
4. Nguyễn Tiến Hiệp và Phạm Hoàng Hộ, 1996. Family Ericaceae Juss. In Vascular plants synopsis of Vietnam flora. St. Petersburg.
5. Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Tiến Hiệp, 2012. Bổ sung hai loài thuộc chi *Rhododendron* L. (họ Đỗ quyên - Ericaceae Juss.) cho hệ thực vật Việt Nam. Tạp chí Sinh học, 34(4): 446 - 451
6. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, tập 1, 3. Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
7. IUCN, 2010. Red List Categories and Criteria of Threatened species version 8.0 (March 2010).



Hình 1. *Rhododendron chevalieri*
Dop ex A. Chev.

Hình 2. *Rhododendron fleuryi*
Dop ex A. Chev



Hình 3. *Rhododendron irroratum*
Franch.subsp. *kontumense*

Hình 4. *Rhododendron moulmainsense*
Hook. f.



Hình 5. *Rhododendron triumphans* Yersin & A. Chev.

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa